

VẤN ĐỀ PHƯƠNG NGỮ VÀ VIỆC RÈN CHÍNH TẢ CHO HỌC SINH TIỂU HỌC Ở TỈNH KHÁNH HOÀ

HUỲNH LÊ CHI HẢI*

Abstract: In elementary school, spelling practice for students is very important. Spelling practice helps students develop the ability to use Vietnamese writing. Spelling training also helps students acquire good qualities such as carefulness, accurate work habits, and makes them love Vietnamese and Vietnamese writing. However, the situation of students misspelling, especially dialect spelling is still very common. This article analyzes the elementary students' dialect-based spelling errors and shows how they can be fixed.

Key words: *Spelling, dialect, Vietnamese, elementary*

1. Đặt vấn đề

Tiếng Việt có nhiều phương ngữ nên bên cạnh tính thống nhất chủ đạo, tiếng Việt cũng tồn tại những nét dị biệt, chẳng hạn như cách phát âm khác nhau giữa các vùng miền. Từ những cách phát âm khác biệt của mỗi địa phương dẫn đến tình trạng viết sai chính tả. Những lỗi sai chính tả do phương ngữ khá phổ biến, không chỉ thường thấy ở học sinh tiểu học mà còn bắt gặp ở người lớn. Thông thường, để khắc phục các lỗi sai chính tả do phương ngữ, phương pháp dạy học của giáo viên phổ thông áp dụng bằng cách dạy chính tả thông qua chính âm. Giáo viên chú ý về phát âm đúng chính âm để dạy bài chính tả giúp học sinh nghe viết tốt hơn. Chất lượng bài viết chính tả của học sinh phụ thuộc khá nhiều vào cách đọc của giáo viên. Phương pháp này yêu cầu giáo viên phải phát âm chuẩn theo chính âm của tiếng Việt. Tuy nhiên, nếu giáo viên chỉ chú ý phát âm đúng chính âm để dạy chính tả thì chưa đủ. Vì học sinh không chỉ nghe giáo viên phát âm mà các em còn tiếp nhận cách nói, cách đọc từ gia đình và những người xung quanh.

Bài viết của chúng tôi phân tích những lỗi chính tả thường gặp do phương ngữ và nêu lên giải pháp khắc phục cho những lỗi sai của học sinh tiểu học ở Khánh Hoà. Giải pháp được nêu lên cho vấn đề trên không tập trung vào việc sử dụng nguyên tắc chính âm để giải quyết chính tả mà chủ yếu xây dựng hệ thống từ - chữ cho học sinh tiểu học rèn luyện chính tả.

2. Cơ sở lý thuyết và thực tiễn của việc rèn luyện chính tả cho học sinh tiểu học ở tỉnh Khánh Hoà

2.1. Khái niệm chính tả

Chính tả được hiểu là cách viết đúng, đúng ở đây là đúng quy định và đúng với truyền thống chữ viết của mỗi dân tộc. Chính tả thực chất là quá trình biến âm thanh thành chữ viết, là hệ thống các quy tắc để chuyển lời nói thành chữ viết. Vì chính tả gắn liền với chữ viết nên những ngôn ngữ nào có chữ viết thì mới có chính tả. Các ngôn ngữ trên thế giới có chữ viết đều có hệ thống chính tả riêng của mình.

Nội dung chính tả tiếng Việt bao gồm: viết đúng từ ngữ theo quy tắc của hệ thống chữ viết tiếng Việt, cách viết hoa, cách viết tên riêng nước ngoài, cách viết dấu câu. Trọng tâm của bài viết này tập trung rèn luyện, chữa lỗi chính tả do phương ngữ cho học sinh tiểu học ở Khánh Hoà.

Lỗi chính tả có nhiều loại: lỗi sai do không nắm vững các quy tắc chính tả, không hiểu được nghĩa của từ cũng có khi là do sự cầu thả,... trong các loại lỗi chính tả thì lỗi chính tả do phát âm của các vùng phương ngữ tạo ra là loại lỗi khó chữa vì phát âm là cái có trước, chính tả có sau. Để giúp học sinh khắc phục lỗi chính tả do phương ngữ ở một vùng cụ thể cần xác định được những chữ viết dễ viết sai do ảnh hưởng phát âm phương ngữ của học sinh. Việc xây dựng nội dung dạy học chính tả phương ngữ cho từng địa phương là rất cần thiết trong việc dạy và học chính tả.

* Trường Đại học Khánh Hoà.

2.2. Nguyên tắc chính tả chữ Việt

Chính tả là sự chuẩn hóa hình thức chữ viết của ngôn ngữ dân tộc; là hệ thống những quy tắc về cách viết các âm vị, âm tiết, từ; cách dùng dấu câu, viết hoa, viết tắt, phiên âm, chuyển tự. Chính tả có tính bắt buộc đối với mọi người viết thứ chữ nào đó, nhưng cũng có những biến đổi trong lịch sử ngôn ngữ dân tộc.

a. Nguyên tắc ngữ âm học: Phát âm thế nào thì viết thế ấy. Ví dụ: [mă⁶] - *mặt* ≠ [mă⁶] - *mặc*; [xak⁵] - *khác* ≠ [xat⁵] - *khát*. Căn phát âm chuẩn làm cơ sở cho viết đúng chính tả. Trên thực tế, người viết hầu như phát âm lệch chuẩn.

b. Nguyên tắc lịch sử: Viết đúng hình thức của từ như trong lịch sử. Ví dụ: *ng/ngh; g/gh; c/k/q*. Chính tả chữ Quốc ngữ tuân thủ nguyên tắc ngữ âm học và nguyên tắc lịch sử.

2.3. Đặc điểm tiếng địa phương của người Khánh Hoà

Phương ngữ (tiếng địa phương) là sự biểu hiện của ngôn ngữ toàn dân ở một địa phương cụ thể với những nét khác biệt của nó so với ngôn ngữ toàn dân hay với một phương ngữ khác.

Việc phân vùng phương ngữ tiếng Việt có nhiều quan điểm khác nhau do tiêu chí phân loại không thống nhất giữa các nhà nghiên cứu. Trong đó, quan điểm chia tiếng Việt ra thành ba vùng phương ngữ căn cứ vào thanh điệu, phụ âm đầu và vần trong cấu tạo âm tiết: phương ngữ Bắc (Bắc Bộ), phương ngữ Trung (Thanh Hoá đến Thừa Thiên - Huế), phương ngữ Nam (từ Đà Nẵng trở vào), nhận được sự tán thành của nhiều nhà nghiên cứu như Hoàng Thị Châu (2004), Vương Hữu Lễ (1974), Võ Xuân Trang (1997),...

Chúng tôi tiếp thu quan điểm phân chia tiếng Việt thành ba vùng phương ngữ để trình bày trong bài viết này. Như vậy, tiếng địa phương Khánh Hoà thuộc phương ngữ Nam. Phương ngữ Nam có một số đặc điểm cơ bản về mặt ngữ âm như sau:

Hệ thống thanh điệu: có 5 thanh, thanh hỏi và thanh ngã nhập làm một, phát âm nghiêng về thanh hỏi. Ví dụ một số địa danh ở Khánh Hoà bị nhầm lẫn do người nói không phân biệt thanh hỏi và thanh ngã: *Mã Vòng - Mả Vòng, Bãi Trũ - Bãi Trủ*,...

Hệ thống phụ âm đầu: Sự khác biệt chủ yếu của hệ thống phụ âm đầu trong phương ngữ Nam so với các phương ngữ khác chính là do kết quả biến đổi những phụ âm ngạc hóa /bj/, /dj/, /zj/. Những phụ âm này mất đi yếu tố ngạc hóa ở phương ngữ Bắc và thành các phụ âm sát: /v/, /z/. Còn ở phương ngữ Nam thì yếu tố ngạc hóa lẫn át phụ âm trước nó và biến thành phụ âm đầu j ở cả 3 trường hợp [2, tr.147]. Qua sự tổng hợp, so sánh, các nhà nghiên cứu đã rút ra kết luận rằng trong các phương ngữ Nam, bán nguyên âm j đã xuất hiện ở vị trí phụ âm đầu và với một tần số rất cao, vì nó thay cho 2 phụ âm /v/ (v), /z/ (d, gi) ở các phương ngữ khác.

Trong hệ thống phụ âm đầu của phương ngữ Nam còn có một bán nguyên âm đứng ở vị trí phụ âm đầu là /w/. Do sự tác động của âm đệm /-u-/ đến các phụ âm ngạc và hầu đứng trước nó là /k/, /χ/, /h/ làm xuất hiện /w/ ở vị trí phụ âm đầu. Hai bán nguyên âm /j/ và /w/ đứng trong hệ thống phụ âm đầu của các phương ngữ Nam có thể xem là đặc trưng để phân biệt nó với những phương ngữ khác.

Những phụ âm khác của phương ngữ Nam thể hiện bước quá độ giữa hai nhóm phương ngữ Trung và phương ngữ Bắc. Ở Nam Trung Bộ, những phụ âm tiền ngạc được phát âm quặt lưỡi như ở các phương ngữ Trung: /t/ (tr), /s/ (s). Nhưng ở Nam Bộ hầu hết người dân đều phát âm không phân biệt /t/ (tr) với /c/ (ch), /s/ (s) với /x/ (x) như ở phương ngữ Bắc. Phụ âm /z/ vẫn tồn tại và có nhiều biến thể khác nhau, được sử dụng tùy tiện từ âm rung /z_v/ đến âm sát /z/: (*rổ rá*) hoặc là (*zổ zá*). Ở vùng cực Nam Bộ người ta còn phát âm là /γ/ (*gổ gá*). Hai phụ âm /χ/ và /f/ là những phụ âm sát thực sự ở Nam Trung Bộ, nhưng ở vùng cực Nam Bộ thì những phụ âm bật hơi /f/, /χ/ thường gặp hơn [2, tr.150].

Phản vận: Sự tác động lẫn nhau giữa nguyên âm và phụ âm cuối tạo ra những biến đổi lớn về cả hai phía nguyên âm và phụ âm, làm thay đổi hẳn hệ thống vần trong phương ngữ Nam cả về số lượng lẫn chất lượng, vô cùng phức tạp [2, tr.180].

- Các phương ngữ Nam có số lượng vần giảm hẳn so với phương ngữ Bắc và phương ngữ Trung.

- Không có cặp phụ âm cuối /-ŋ, -k/ sau nguyên âm hàng trước trong phương ngữ Nam. Chúng được phát âm thành /-n/ và /-t/ như *mình* > *mìn*, *chênh vênh* > *chân vên*; *éch* > *át*, *thình thích* > *thun thút*.

- Cặp phụ âm /-n, -t/ gốc chỉ còn lại hai cặp vần: *in* - *it* và *ên* - *ét*, ví dụ *trên hết* ở Nam Trung Bộ phát âm không có gì thay đổi nhưng ở Nam Bộ lại phát âm là *trơn hót*. Sau những nguyên âm còn lại cặp /-n, -t/ đều biến thành /-ŋ, -k/: *khen khét* > *kheng khéc*, *chan chát* > *chang chác*, ...

- Cặp phụ âm /-m, -p/ tự nó không biến đổi như những phụ âm trước. Trái lại /m/ và /p/ tác động đến những nguyên âm đứng trước chúng, làm cho nguyên âm dòng sau mất tròn môi: *um tùm*, *lúp xúp* > *um tùm*, *lúp xúp*. Cả ba từ *hợp*, *hộp*, *hợp* thành đồng âm: *hợp*.

Từ những đặc điểm chính về ngữ âm phương ngữ Nam và kết quả nghiên cứu về phát âm của người Khánh Hoà do các giảng viên Trường Đại học Khánh Hoà biên soạn trong đề tài *Biên soạn tài liệu dạy và học Ngữ văn địa phương Khánh Hoà cấp trung học cơ sở* [7], chúng tôi khái quát một số nét cơ bản trong phát âm địa phương ở tỉnh Khánh Hoà như sau:

Về phụ âm đầu trong phát âm của người Khánh Hoà

- Hiện tượng phụ âm /v/ lẫn với /z/: *vá (lưới)* > *dá*. Hiện tượng này khá phổ biến cho các vùng ở Khánh Hoà, cũng là đặc trưng về ngữ âm của phương ngữ Nam.

- Phụ âm đầu /v/ lẫn với /k-ɣ-/. Ví dụ: *vét/ quét*; *ví/ quý*; ...

- Phụ âm đầu /ɣ/ > /f/ khi /ɣ/ kết hợp với âm đệm: *khoai lang* > *phai lang*; *khuya* > *phia*; *khoan khoái* > *phang phái*...

- Phụ âm đầu /h-ɣ-/ > /k-ɣ-/. Ví dụ: *hóa* > *quá*; *hoài* > *quài*; *hoàng* > *quàng*; ...

Về phụ âm cuối trong phát âm của người Khánh Hoà:

- Người Khánh Hoà thường lẫn lộn các phụ âm cuối /-n/ và /-ŋ/; /-k/ và /-t/. Đây cũng là hiện tượng phổ biến người dân thuộc vùng phương ngữ Nam.

Về hiện tượng lẫn lộn âm chính

- Hiện tượng âm chính /uɣ/ > /u/ (*mười* > *mù*; *dưới* > *dừ*; *lưới* > *lừ*) khá phổ biến ở các huyện, thị, thành phố của Khánh Hoà và đây cũng là đặc trưng về ngữ âm của phương ngữ Nam.

- Trường hợp /a/ và /ɛ/ (a/ɛ: *nước đá* > *nước đế*) khá điển hình cho nhiều địa phương ở Khánh Hoà như Diên Khánh, Nha Trang, Ninh Hoà, Vạn Ninh.

- Trường hợp lẫn lộn âm chính /e/ và /ie/ (ê/ iê) cũng khá phổ biến ở các vùng tại Khánh Hoà và chúng chiếm một tỉ lệ lớn trong các bảng thống kê. Ví dụ: *làm thêm* > *làm thiêm*; *đêm* > *diêm*; ...

- Âm chính /e/ > /ɛ/ (ê/ ơ) trong âm tiết mở cũng chiếm một số lượng không nhỏ ở các vùng ở Khánh Hoà. Ví dụ: *làm thuê* > *làm thơ*; *có thể* > *có thờ*; ...

- Vần ôi > vần âu. Ở thị xã Ninh Hoà, huyện Vạn Ninh thường xuất hiện hiện tượng này. Riêng ở huyện Cam Ranh, tại Đá Bạc, đa số người dân có gốc từ Phú Yên di cư đến cũng phát âm lệch chuẩn vần nói trên. Ví dụ như: *tối* > *tấu*; *cái chổi* > *cái chầu*...

- Hiện tượng âm chính /ɛ/ > /u/ (*cơm* > *kum*); /o/ > /ɔ/ (*tối* > *tói*)

Về hiện tượng lẫn lộn thanh hỏi và thanh ngã

Đa số người dân Khánh Hoà đều phát âm không phân biệt giữa thanh ngã và thanh hỏi như đặc điểm của phương ngữ Nam: chỉ có 5 thanh. Chẳng hạn như: *giữ gìn/ giữ gìn*; *Vạn Giã* > *Dạng Giá*; *kỉ cang* > *kỉ cang*; *đã làm* > *đã làm*; *Bãi Trữ* > *Bãi Trữ*, ...

Sự đối ứng của phát âm giọng Khánh Hoà so với phát âm giọng chuẩn được khái quát qua bảng sau:

	TT	Âm tương ứng		Ví dụ
		Giọng Khánh Hoà	Giọng chuẩn	
Phụ âm đầu	1	/z/	/v/	<i>đô</i> - vô, <i>da dị</i> - gia vị, <i>dợ</i> - vợ...
	2	/k-ɯ-/	/v/	<i>quét</i> - vét, <i>quây</i> - vây...
	3	/f/	/χ-ɯ-/	<i>phía</i> - khuya...
	4	/k-ɯ-/	/ŋ/	<i>quyển</i> - nguyên, <i>quai</i> - ngoài...
	5	/k-ɯ-/	/h/	<i>quá</i> - hóa, <i>quài</i> - hoài...
	6	/s/	/ʃ/	<i>xuôn</i> - suôn, <i>xay</i> - say...
	7	/c/	/t/	<i>chốn</i> - trốn, <i>chêu</i> - trêu...
	8	/r/	/z/	<i>ròn</i> - giòn
	9	/f/	/χ/	<i>phẻ</i> - khỏe
Âm chính	1	/ɛ/	/a/	<i>cẻ</i> - cà, <i>xe bờ</i> - xa bờ
	2	/ɜ/	/e/	<i>ngờ</i> - nghề, <i>bơ</i> - bề...
	3	/u/	/uɤ/	<i>lừ</i> - lưới, <i>ngừ</i> - người...
	4	/ɔ/	/o/	<i>nội</i> - nội, <i>thời</i> - thôi...
	5	/u/	/ɜ/	<i>cừm</i> - com
	6	/ie/	/e/	<i>thiêm</i> - thêm
	7	/ɜ̃/	/a/	<i>quây</i> - vay
	8	/ɜ/	/o/	<i>tom</i> - tôm
	9	/ɜ̃/(âu)	/o/(ôi)	<i>nậu trợ</i> - nội trợ, <i>hầu đó</i> - hồi đó
	10	/ɔ/	/ɜ/	<i>tối</i> - tới
	11	/u/	/u/ (uru)	<i>củ</i> - cừu
	12	/u/ (ưc)	/ɜ̃/ (ât)	<i>nhứt</i> - nhất
Phụ âm cuối	1	/ŋ/	/n/	hoa <i>lang</i> - hoa lan
	2	/k/	/t/	tắc <i>đèn</i> - tắt đèn

3. Xây dựng hệ thống bài tập chính tả phương ngữ cho học sinh Tiểu học tỉnh Khánh Hoà

Thông qua việc mô tả những đặc điểm ngữ âm của tiếng Khánh Hoà ở mục trên, bài viết đặt vấn đề xây dựng các bài tập dạy chính tả cho học sinh tiểu học trên địa bàn, hướng tới sự khắc phục các loại lỗi chính tả thường gặp do phát âm lệch chuẩn. Cụ thể nội dung bài tập chính tả được xây dựng cho học sinh tiểu học ở tỉnh Khánh Hoà như sau:

3.1. Bài tập chính tả được xây dựng dựa trên nội dung chính tả trong sách giáo khoa hiện hành

Chữ quốc ngữ là chữ ghi âm với nhiều ưu điểm như dễ đọc, dễ học, dễ nhớ; số lượng con chữ không nhiều (29 chữ cái). Song song với những ưu điểm, chữ quốc ngữ còn nhiều điểm bất hợp lý vẫn đang tồn tại. Bởi nhiều nguyên nhân về lịch sử, văn hóa, xã hội, ngôn ngữ khác nhau, cách phát âm đa dạng của các vùng phương ngữ,... nên những người tạo ra chữ quốc ngữ không thể nào tuân thủ một cách nghiêm ngặt những yêu cầu của nguyên tắc âm vị học trong chữ viết.

Thứ nhất, chữ quốc ngữ không theo nguyên tắc tương ứng 1 - 1 giữa kí hiệu và âm thanh. Chữ quốc ngữ dùng nhiều con chữ để biểu thị một âm. Ví như âm vị /k/ được biểu thị bằng 3 con chữ: c, q, k; âm vị /i/ được biểu thị bằng 2 con chữ: i, y; ...

Thứ hai, chữ quốc ngữ không theo tính đơn trị của kí hiệu. Chẳng hạn, sử dụng 1 con chữ nhưng biểu thị nhiều âm khác nhau tùy thuộc vào vị trí của nó trong quan hệ với những âm trước và sau nó. Ví dụ như âm vị /ɣ/ khi đứng trước các nguyên âm dòng sau thì phải được thể hiện bằng con chữ g (*gọn gàng*, *góm*, *gông*,...) nhưng khi /ɣ/ đứng trước các nguyên âm dòng trước thì lại được thể hiện bằng tổ hợp con chữ “gh” (*ghi*, *ghế*, *ghe*,...). Và khi con chữ “g” đứng trước âm /i/ hoặc nguyên âm đôi /ie/ thì lại biểu thị âm /z/ (*giữ gìn*, *giếng*,...).

Hệ thống chữ viết của chúng ta dù còn tồn tại đôi chỗ bất hợp lý, nhưng cũng đã thiết lập được một bộ quy tắc kết hợp đủ mạnh để loại bỏ khả năng tùy tiện, nước đôi khi viết. Vì vậy, trong quá trình dạy chữ

quốc ngữ nói chung và dạy chính tả cho học sinh tiểu học nói riêng, chúng ta cần xây dựng được hệ thống bài tập hợp lý để học sinh viết đúng các từ ngữ theo quy tắc của hệ thống chữ viết. Cụ thể:

Bài tập luyện tập viết đúng các chữ ghi âm /k/ (k/q/c), /ŋ/ (ng/ngh), /ɣ/ (g/gh), /ie/ (iê/yê, ia/ya); /uɤ/ (ua/ươ), /i/ (i/y),... và yêu cầu viết đúng các từ ngữ, như *kiên, quả, của; ngủ, nghề; gà, ghế; tiến, tuyến, ý, nghĩ*,...

Xây dựng bài tập giúp học sinh phân biệt đúng các con chữ s/x, d/r/gi, v/d, tr/ch, ong/ông, r/g,... như: *sa sút, xa xôi; dào dạt, rạo rực, giành giật, cái gì; vùng vằng, dùng dằng; cây tre, che chở; đồng đồng, cánh đồng; con rồng, gồng mình*;...

Thực hiện các quy tắc viết hoa (cho tất cả các trường hợp viết hoa của chữ viết tiếng Việt hiện đại: viết hoa chữ đầu câu, tên người, tên địa lí, tên cơ quan tổ chức, tên tác phẩm; viết hoa huân chương, danh hiệu, giải thưởng, tên ngày kỉ niệm, phong trào; viết hoa tu từ...); quy tắc phiên âm, dùng dấu câu.

Hiện nay, hệ thống bài tập chính tả trong sách giáo khoa đáp ứng tương đối đủ nội dung chính tả, góp phần giải quyết được một số bất hợp lý của chính tả tiếng Việt.

3.2. Bài tập chính tả được xây dựng phù hợp với năng lực tiếp thu của học sinh tiểu học

Các bài tập chính tả được xây dựng theo quan điểm tích hợp nhằm phát huy tính tích cực độc lập suy nghĩ của học sinh. Bài tập phải phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh, nhất là với học sinh tiểu học. Quá trình học tập gần gũi và gắn liền với cuộc sống, gắn kết đào tạo với lao động. Điều này được thể hiện qua việc lựa chọn ngữ liệu chính tả gắn với các chủ đề gần gũi với học sinh.

Giáo viên có thể thiết kế một số dạng bài tập luyện tập âm vần, chính tả như: điền khuyết, giải đố, tìm từ ngữ có tiếng chứa âm thích hợp với ngữ đã cho, giải ô chữ,... Từ đó, khơi gợi hứng thú học tập cho học sinh; tạo điều kiện thuận lợi để hình thành và phát triển năng lực cho học sinh. Người học tích cực, chủ động, độc lập hơn và khuyến khích người học học tập một cách toàn diện.

Nội dung và hình thức luyện tập chính tả phù hợp với khả năng nhận biết và phân tích âm vị của học sinh Tiểu học. Danh sách các bài tập chính tả cần được lập riêng cho từng khối lớp, nâng dần độ khó theo khối lớp. Độ khó của từ căn cứ vào tần số xuất hiện của chúng. Những từ có tần số xuất hiện cao thì độ khó chính tả của từ đó càng thấp. Ngược lại, nếu từ có tần số xuất hiện thấp thì độ khó chính tả của từ đó sẽ cao. Chẳng hạn, đối với bài tập phân biệt dấu hỏi - ngã: các từ như *đã*, sẽ xuất hiện nhiều nên học sinh sẽ ít khi sai. Bài tập phân biệt dấu hỏi - ngã chứa các từ trên nên được sử dụng cho các lớp nhỏ ở tiểu học. Đối với các lớp lớn hơn (lớp 3, 4, 5), giáo viên cần lưu ý học sinh phân biệt dấu hỏi ngã trong các từ: *mẫu - mẩu; lẽ - lẽ; vẽ - vẽ*, ...

3.3. Bài tập chính tả được xây dựng phù hợp với đặc điểm phát âm của người Khánh Hoà

Bên cạnh việc xây dựng bài tập chính tả dựa trên các quy tắc chính tả hiện hành và phù hợp với năng lực tiếp thu của học sinh tiểu học, thì người dạy cần lựa chọn nội dung rèn luyện chính tả cho học sinh theo khối lớp, vùng miền. Bởi chính tả có quy tắc thì không quá khó với học sinh, phần khó nhất trong việc rèn chính tả thuộc về chính tả phương ngữ. Lỗi chính tả của học sinh, thậm chí là của người lớn thường tập trung ở chính tả phương ngữ. Như đã trình bày ở trên việc dùng chính âm để giải quyết chính tả thường chưa đủ để mang lại hiệu quả cao trong việc sửa các lỗi chính tả do phương ngữ. Thêm vào đó, việc bắt buộc giáo viên và học sinh thay đổi cách phát âm theo chính âm còn đặt ra nhiều vấn đề bất hợp lý trong việc giữ gìn tiếng nói địa phương và văn hóa vùng miền. Vì vậy, để viết đúng chính tả, người học cần được luyện tập những trường hợp có vấn đề về chính tả một cách có định hướng bằng cách xây dựng các bài tập dựa trên đặc điểm phát âm của người Khánh Hoà.

Dựa trên, các loại lỗi chính tả thường gặp do phát âm lệch chuẩn của người dân ở tỉnh Khánh Hoà, chúng tôi đề xuất xây dựng bài tập rèn chính tả để giúp các em học sinh khắc phục các lỗi sau: Về âm đầu: phân biệt kh/ph, v/d, h/q, ng/q, r/gi, ch/tr, s/x; Về âm cuối: -n/-ng, -t/-c; Về âm chính: ê/ơ, ê/iê, ơ/ư, a/e, ê/i, Về âm đệm: lưu ý các trường hợp “mất” âm đệm trong khi nói/ viết. Ví dụ: *khóa cửa > phá cửa; quý giá > ví giá*;... ; Về thanh điệu: phân biệt dấu hỏi - dấu ngã.

Cụ thể một số hình thức giáo viên có thể triển khai cho học sinh luyện tập theo các khối lớp như sau:

(1) Đối với học sinh lớp 1

Bài tập điền vần *ai* hoặc *ay* (gà *m...*, *m... ảnh*); *iêm* hoặc *êm* (mũi *t...*, buổi *đ...*); *âu* hoặc *ôi* (*đ... tiên*, núi *đ...*); *ước* hoặc *uot* (mái tóc rất *m...*, dùng *th... đo vải*).

- Điền vào chỗ trống: điền một chữ cái, một dấu thanh hoặc một vần vào chỗ trống, ví dụ: Điền *kh* hoặc *ph* vào chỗ trống: ...*oi lang*, ...*uya ...oắc*, ...*óa cửa, đập ...á*, ...*ai màu*.

- Điền dấu hỏi hoặc ngã trên những tiếng được in đậm: **mâu** chuyện, tình **mâu** tử, **mâu** bút chì.

- Viết hỏi hoặc ngã vào những từ in đậm: **ve** tranh, **biêu** quyết, dè **biu**, dai **dăng**, **hương** thụ, ngày **giô**, suy **ngghi**, hoang **da**, mách **leo**, **mang** xà, mát **me**, **bai** cát.

- Điền nguyên âm *i/iê*, *o/ô* thích hợp vào chỗ trống: *lúa ch...m*, *l...m khiết*, *hồng x...m*, *ch...m nổi*, *m...n man*, *vịt x...m*, *chú ch...m*; *tr...ng chờ*, ...*ng bà*, *bất c...c*, *đom đ...m*, *non s...ng*, *g...c cây*, *b...c hơi*.

(2) Đối với học sinh lớp 2

Bài tập điền vào chỗ trống (*bàng, bàn*): *cây ...*, *cái ...*; bài tập phân biệt các vần *ăn/ ăng* (*cổ g...*, *g... bó*, *g... sức*, *yên l...*), *vân ân/ âng* (*v... lời*, *bạn th...*, *bàn ch...*), *vân uôt/uôc* (*uống th...*, *trắng m...*), *vân iê/ iêc* (*thời t...*, *thương t...*).

- Điền phụ âm cuối *c/t*, *n/ng* thích hợp vào chỗ trống: *bãi cá ...*, *buộ... miệng*, *mứ... dẻo*, *mả... lỗi*, *hạ... dẻ*, *con hạ...*, *khuôn mặ...*, *chuộ... tội*, *lên lú...*, *chăm chú...*; *bà... ghế*, *cây bà...*, *âm va...*, *văn la...*, *khoai la...*, *ma... mác*, *con nga...*, *vươ... lên*, *vươ... vãi*, *chạ... vạ...*, *thênh tha...*.

- Điền từ thích hợp có vần *-uôc* hoặc *-uôt* vào chỗ trống: *thất lưng ... bụng*, ... *miệng nói ra*, cùng một ..., *con bạch ...*, *thắng đuồn ...*, *qua đưa ...*, *bị ... rút*.

- Bài tập tìm từ chứa tiếng *iêc* hay *iê/ iêc*, có nghĩa như sau: *nước chảy rất mạnh*; *tai nghe rất kém*.

- Bài tập chọn chữ để điền vào chỗ trống: (*ước, uot*) ... *mong*, *khăn...*

- Bài tập thi tìm nhanh: những tiếng có vần *im* và những tiếng có vần *iêm*; những tiếng có vần *ai* và những tiếng có vần *ay*.

- Bài tập tìm tiếng có vần *in* hay *iên*: từ trái nghĩa với *dữ*; từ chỉ người tốt có phép lạ trong truyện cổ tích; từ có nghĩa là (quả, thức ăn) đến độ ăn được.

- Tìm những tiếng có nghĩa để điền vào ô trống:

Vần \ Âm đầu	l	r	s	th	nh
	lục				
ut					
uc					

(3) Đối với học sinh lớp 3

Viết những đoạn, bài chứa các âm, dấu thanh để mắc lỗi.

Theo yêu cầu cần đạt của môn Tiếng Việt trong chương trình giáo dục phổ thông 2018, học sinh lớp 3 viết đúng những từ dễ viết sai do đặc điểm phát âm địa phương.

Ngoài ra, ở khối lớp 3, chúng ta cho học sinh thực hành viết đúng các chữ thường, chữ hoa; viết đúng bài chính tả (khoảng 70 chữ/ 15 phút). Các dạng bài nghe, viết này giáo viên lựa chọn đoạn ngữ liệu có chứa các trường hợp mà người địa phương hay sai và lưu ý các trường hợp này với học sinh.

- Bài tập tìm từ theo yêu cầu: Tìm từ chỉ sự vật, hoạt động, trạng thái, đặc điểm, tính chất. Ví dụ: Tìm các từ chỉ hoạt động, trạng thái bắt đầu bằng *v* hoặc *d*; tìm các từ chỉ đặc điểm, tính chất có thanh hỏi hoặc thanh ngã.

- Bài tập lựa chọn từ điền vào chỗ trống:

(*vây, dây, giây*): ... *cá*, *sợi ...*, ... *điện*, ... *cánh*, ... *dưa*, ... *phút*, *bao ...*.

(*vẻ, dẻ, giẻ*): *hạt ...*, ... *vang*, *da ...*, *văn ...*, *mảnh ...*, ... *lau*, ... *đẹp*, ... *rách*.

(4) Đối với học sinh lớp 4

- Điền vào chỗ trống: *uôn hay uông*

... *nước, nhớ ng...*

Đố ai lặn x... vực sâu

Mà đo miệng cá, ... câu cho vừa

- Chọn tiếng thích hợp trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống: (*giành/dành*) ... *dụm, để ..., tranh ..., ... độc lập.*

- Xếp các từ ngữ sau đây thành 2 cột (từ ngữ viết đúng chính tả và từ ngữ viết sai chính tả): *thân thiếp, thời tiết, công việc, nhiệt tình, chiết cành, mãi miết.*

- Thi tìm nhanh: các từ láy trong đó tiếng nào cũng có vần *iêu* (*liêu xiêu*); các từ láy trong đó tiếng nào cũng có vần *iu* (*liú riu*).

(5) Đối với học sinh lớp 5

- Tìm từ hoặc cụm từ dựa theo nghĩa hoặc đặc điểm ngữ âm đã cho sẵn, ví dụ những từ chứa tiếng có thanh hỏi hoặc thanh ngã, có nghĩa như sau: trái nghĩa với *chân thật*, đồng nghĩa với *từ biệt*.

- Đặt câu phân biệt các từ chứa những tiếng dễ nhầm lẫn, ví dụ: đặt câu để phân biệt các từ *vội - dội*.

- Chữa lỗi chính tả có trong những câu sau:

Nhà quai em trồng nhiều loại phai: phai lang, phai mì, phai tím.

Hôm nay, nhà bạn Lan ăn cơm có cá, râu, canh và thịt dật.

4. Kết luận

Trong quá trình giảng dạy, giáo viên cần lưu ý chú trọng đến các trường hợp mà người địa phương nói chung và học sinh nói riêng hay nhầm lẫn từ đó hướng đến việc xây dựng bài tập bổ trợ cho phù hợp. Giáo viên có thể lập một danh sách những từ có vấn đề chính tả do phương ngữ. Từ đó, giáo viên có thể chủ động xây dựng bài tập phù hợp. Bằng việc nắm vững các vấn đề về phương ngữ địa phương, người dạy có thể chủ động sáng tạo trong quá trình dạy học. Người học cũng có thể hạn chế những lỗi sai do phát âm theo tiếng địa phương. Thông qua việc học và rèn chính tả, học sinh rèn luyện được những phẩm chất tốt như cẩn thận ngăn nắp, bồi dưỡng tinh thần yêu quý tiếng Việt và tính thẩm mỹ cho các em qua việc trình bày và thể hiện chữ viết.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục & Đào tạo, *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2007.
2. Hoàng Thị Châu, *Phương ngữ học tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004.
3. Võ Xuân Hào, *Dạy học chính tả cho học sinh tiểu học theo vùng phương ngữ*, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2009.
4. Nguyễn Thị Ly Kha, *Một giải pháp cho chính tả phương ngữ*, Ngôn ngữ, số 3-2009, tr.30-37, 2009.
5. Lê Phương Nga (chủ biên) - Lê A - Đặng Kim Nga - Đỗ Xuân Thảo, *Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2010.
6. Lê Phương Nga (chủ biên) - Lê A - Đặng Kim Nga - Đỗ Xuân Thảo, *Phương pháp dạy học Tiếng Việt 2*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2010.
7. Trần Viết Thiện, *Biên soạn tài liệu dạy và học Ngữ văn địa phương Khánh Hoà cấp THCS*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, Khánh Hoà, 2015.
8. Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên), *Hỏi - đáp về dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học*, lớp 1, 2, 3, 4, 5, Nxb Giáo dục, 2003.